

Bản án số: 324/2019/HS-PT

Ngày: 01/8/2019.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Đặng Hồng Sơn

2. Ông Phạm Viết Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Hiếu – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/7 và ngày 01/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 221/2019/HSPT ngày 29/5/2019 đối với bị cáo Nguyễn Minh P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Minh P; sinh ngày: 19/9/1996; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 154A, ấp Hòa H, xã Long H, huyện C, TP.H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị Nga, sinh năm 1967; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/01/2017.

*Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập:* Nguyễn K T (tên gọi khác: Tèo Mạnh), sinh năm 1984.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P:**

1/ Ông Trịnh Công Minh là Luật sư của Chi nhánh Văn Phòng luật sư Trung Nguyên Quận 11 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 90C Lò Siêu, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Các ông Vũ Quốc Toàn, Phạm Mạnh Tuấn, Nguyễn Hà Phong, Nguyễn Trung Chánh và Cao Xuân Dinh - là Luật sư của Chi nhánh văn phòng Luật sư Trung Nguyên, Quận 11 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Minh T, sinh năm 1987; cư trú: 92A ấp Hòa H, xã L, huyện C, Tp. H (vắng mặt).
2. Anh Lê T A, sinh năm 1993; cư trú: 284/2A khu phố H, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
3. Anh Nguyễn Vương C, sinh năm 1996; cư trú: ấp 3, xã P, huyện C, Tp.HCM.; tạm trú tại khu phố P, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
4. Anh Lê T H, sinh năm 1989; cư trú: ấp V, huyện H, tỉnh L, Chỗ ở: khu phố P, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
5. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1996; cư trú: 482/2B khu phố M, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; cư trú: ấp H, xã L, huyện C, Tp.H(vắng mặt).
7. Anh Huỳnh T A (Duy, Ba Giá), sinh năm 1996; cư trú: số 369/2B khu phố M, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
8. Anh Hồ Minh T (K), sinh năm 1987; cư trú: số 1/46 ấp L, xã L, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
9. Anh Lê Văn B (G), sinh năm 1991; cư trú: số 216/1 khu phố Hưng T, thị trấn C, huyện C, TP.H (vắng mặt).
10. Anh Nguyễn Văn T(T), sinh năm 1994; cư trú: số 85C ấp H, xã L, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
11. Anh Lâm Hoài H (B), sinh năm 1995; cư trú: số 297A ấp H, xã L, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
12. Anh Nguyễn Minh N (T), sinh năm 1995; cư trú: ấp H, xã L, huyện C, Tp.H (vắng mặt).
13. Anh Lê T T, sinh năm 1994; cư trú: khu phố G, thị trấn C, huyện C, Tp.H (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10h30' ngày 12/01/2017, Công an huyện Cần Giờ phối hợp cùng Đoàn Biên phòng Cần Thạnh kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn K T đang tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà ở thuộc tổ 4, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh. Thu giữ của T 01 tép ma túy tổng hợp được gói vào túi nylon nhỏ hàn kín. Tiến hành khám xét khẩn cấp, thu giữ thêm 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa ma túy tổng

hợp (chưa được phân chia nhỏ) cất giấu trong phòng ngủ và 01 tép ma túy tổng hợp trong người của Lê Minh Thiện đang có mặt tại nhà T. Ngoài ra, còn thu giữ 06 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng, 01 xe máy biển số 59Z2 - 035.60, 04 dụng cụ sử dụng ma túy và 2.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Nguyễn K T, Nguyễn Minh P và Lê T T thường xuyên ở cùng nhà T tại tổ 4, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ (là nhà của cha mẹ T giao cho T quản lý, sử dụng). Khoảng 17h00' ngày 11/01/2017, khi đang chơi game ngoài tiệm internet thì T nhờ Nguyễn Vương C về nhà mình đưa cho Phát 1.200.000 đồng để đến Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy đá (ma túy tổng hợp). Việc mua bán ma túy T đã liên hệ trước với người bán ở Quận 4 nên Phát chỉ có nhiệm vụ đến nhận và trả tiền. Nguyễn Minh P đã sử dụng xe máy biển số 59Z2 - 035.60 của T đưa đi mua ma túy cho T. Thiện có đi nhờ xe cùng Phát đến Quận 10, còn Phát đến Quận 4 thì có một K niên đi xe máy đến giao ma túy cho Phát và nhận tiền. Sau đó, Phát cùng Thiện về lại nhà T lúc 23h30' cùng ngày và Phát đưa gói ma túy cho T.

Ngay sau đó, T lấy ra một ít ma túy đá với các bình sử dụng ma túy của T để sẵn trong nhà cùng sử dụng ma túy với Phát, K, Thiện, Chánh và Lê T Anh (Sút). Sau khi sử dụng ma túy xong, Chánh hứa vài ngày sau sẽ trả cho T 150.000 đồng, T Anh (Sút) trả cho T 200.000 đồng nhưng trừ vào số tiền 500.000 đồng T còn nợ T Anh (Sút) trước đó. Đối với Phát và K là người thường xuyên mua, bán ma túy giúp T nên T cho sử dụng ma túy không lấy tiền, đồng thời vài ngày thì T cho mỗi người từ 50.000 - 100.000 đồng để tiêu xài. Thiện tuy không đi mua, bán ma túy giúp bị cáo T nhưng lần sử dụng ma túy này T không lấy tiền. Khoảng 00h30' ngày 12/01/2017, T chia nhỏ ra 01 tép ma túy tổng hợp đưa cho Phát đi bán cho Lê T H, sinh năm 1989 làm nghề hót tóc ở khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh với giá 200.000 đồng nhưng chưa trả tiền do H cũng thường xuyên mua ma túy của T và nợ tiền vài ngày sau mới trả. Đến khoảng 08h30' ngày 12/01/2017, trong lúc Phát và K còn đang ngủ thì Thiện mua của T 01 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng, cất giữ trong túi quần để sử dụng và hẹn chiều sẽ trả tiền cho T.

Việc T mua ma túy về phân nhỏ lẻ bán cho các đối tượng nghiện chỉ có một mình T thực hiện chứ Phát và K không giúp T. Chỉ khi T vắng nhà nếu có người mua ma túy đến thì Phát hoặc K điện thoại cho T, nếu T đồng ý thì Phát hoặc K lấy ma túy ra bán, nếu T có ở nhà mà bận công việc thì người mua trực tiếp gặp T để mua nhưng Phát hoặc K lấy ma túy giao cho người mua. Nơi T cất ma túy cả Phát và K đều biết rõ.

Những người mua ma túy để sử dụng đều cư trú tại thị trấn Cần Thạnh và xã Long Hòa, biết rõ và nhận dạng chính T, Phát và K là những người đã nhiều lần bán ma túy cho mình.

Lời nhận tội của T, Phát và Lê T K phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và lời khai của những người mua ma túy, trong đó:

T thừa nhận đã nhiều lần trực tiếp bán ma túy và những người dưới đây cũng thừa nhận nhiều lần mua ma túy của T (trực tiếp từ T hoặc giao nhận ma túy – tiền qua Phát và K):

1. Lê Minh T: mua ma túy của T khoảng 11 lần với số tiền từ 200.000 - 500.000 đồng/lần, địa điểm mua tại nhà nơi T ở và nhiều lần cùng sử dụng chung với T, Phát, K. Sau khi sử dụng xong thì trả tiền cho T.

2. Lê T Anh (Sút): mua 05 lần để sử dụng. T trực tiếp bán 02 lần với số tiền 200.000 đồng/lần, trong đó: 01 lần có Phát và K chứng kiến khi đang ở nhà T và 02 lần T nhờ K bán giúp vào đầu tháng 12/2016, với số tiền 200.000 đồng/lần.

3. Nguyễn Vương C mua 04 lần để sử dụng, T trực tiếp bán 01 lần, 01 lần nhờ Phát bán ngày 04/01/2017 với số tiền 100.000 đồng và 01 lần nhờ K bán ngày 08/01/2017 với số tiền 100.000 đồng;

4. Lê T H mua của T khoảng 07 - 08 lần để sử dụng với số tiền từ 200.000 - 300.000 đồng/lần, trong đó: Phát bán giúp T khoảng 02 - 03 lần, K bán giúp T khoảng 04 - 05 lần. Khi có nhu cầu, H gọi điện thoại cho T nói rõ số tiền rồi đến mua tại nhà T hoặc T nhờ Phát, K đem ma túy bán cho H tại tiệm hớt tóc của H. Việc H vào nhà T mua ma túy thì Phát, K đều có mặt nên Phát lấy ma túy bán cho H thì K, Phát cũng biết và ngược lại;

5. Lê T K trước khi giúp T bán ma túy, K đã 04 lần mua ma túy đá của T với số tiền 200.000 đồng/ lần, trong đó: có 02 lần sử dụng tại nhà T, 02 lần K mang ma túy về sử dụng một mình tại bể nuôi hàu của gia đình;

6. Nguyễn Trung T (Hai Giá): mua ma túy của T khoảng 08 - 09 lần tại nhà T để sử dụng. T trực tiếp bán khoảng 02 - 03 lần với giá từ 200.000 đồng - 300.000 đồng/lần vào giữa tháng 12/2016. Phát bán giúp T khoảng 03 - 04 lần, lần gần nhất là ngày 09/01/2017 với số tiền 300.000 đồng. K bán giúp T khoảng 02 - 03 lần, lần gần nhất là ngày 06/01/2017 với giá 1.000.000 đồng. Khi có nhu cầu, Tính gọi điện thoại cho T nói rõ số tiền rồi đến mua tại nhà T. Khi có mặt ở nhà, T trực tiếp bán và Phát, K đều biết. Khi không có ở nhà thì T nhờ Phát, K bán ma túy cho Tính;

7. Nguyễn Văn L (Lưu Bị): mua ma túy của T khoảng 10 lần tại nhà nơi T ở để sử dụng từ tháng 8/2015 với số tiền từ 200.000 - 300.000 đồng/lần; lần cuối vào giữa tháng 12/2016 với số tiền 200.000 đồng. Rất nhiều lần Long mua ma túy tại nhà T thì Phát, K biết. Long mua và sử dụng ma túy tại nhà T khoảng 05 - 06 lần, những lần còn lại, Long đem ma túy về sử dụng tại nhà mình;

8. Huỳnh T Anh (Duy, Ba Giá) mua ma túy của T khoảng 8 lần tại nhà T và đem về nhà mình sử dụng với số tiền từ 200.000 - 300.000 đồng/lần. T trực tiếp

bán cho Duy khoảng 03- 04 lần; T nhờ Phát bán cho Duy khoảng 02 - 03 lần, nhờ K bán cho Duy 01 lần vào ngày 04/01/2017 với số tiền 200.000 đồng.

9. Hồ Minh T (Kiếng) mua và sử dụng ma túy tại nhà nơi T ở khoảng 03 - 04 lần với số tiền 200.000 đồng/lần, lần gần nhất vào cuối tháng 12/2016;

10. Lê Văn B (Giới) mua ma túy của T 02 lần tại nhà nơi T ở để sử dụng. Lần đầu T trực tiếp bán vào giữa tháng 9/2016 với số tiền 150.000 đồng, Bình sử dụng ma túy tại nhà T cùng với T. Lần cuối T nhờ K bán ma túy cho Bình vào cuối tháng 12/2016 với số tiền 200.000 đồng, Bình đem ma túy về nhà mình để sử dụng;

11. Nguyễn Văn T (Tú Chảo) mua ma túy của T 01 lần tại nhà nơi T ở vào đầu tháng 01/2017 với số tiền 300.000 đồng. Tú đem ma túy về sử dụng tại bãi biển 30/4 thuộc ấp Long Thạnh, xã Long Hòa.

Ngoài ra, T còn thừa nhận nhiều lần bán ma túy với số tiền từ 200.000 - 300.000 đồng/lần cho Hoàng K Sang (Bửu Châu) nhưng Cơ quan điều tra chưa xác định được hiện nay Sang ở đâu.

Nguyễn Minh P và Nguyễn K T đều thừa nhận ngoài lần đi mua ma túy cho bị cáo T ngày 11/01/2017 thì trước đó khoảng 15 ngày T đã đưa cho Phát số tiền 1.600.000 đồng và xe máy biển số 59Z2-035.60 nhờ Phát đi đến huyện Nhà Bè mua ma túy đá về cho T bán và sử dụng. Phát đợi ở bến phà Bình Khánh phía bên huyện Nhà Bè. T liên hệ với người bán, sau đó có một người đàn ông đi xe máy đến giao ma túy cho Phát và nhận tiền, Phát đem ma túy về cho T. Ngoài việc giúp T bán ma túy cho những người nêu trên, Phát còn trực tiếp liên hệ, bán ma túy giúp T cho những người sau đây và những người này cũng thừa nhận đã liên lạc để mua ma túy trực tiếp từ Phát mục đích sử dụng như sau:

1. Lâm Hoài H (Bé Lớn) điện thoại, gặp và mua ma túy đá trực tiếp từ Phát vào ngày 03/01/2017 tại đường Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh với số tiền 200.000 đồng. Trước đó, Hận đã liên hệ mua ma túy đá từ Phát khoảng 03, 04 lần với số tiền 200.000 đồng mỗi lần tại khu vực gần nhà nơi Phát ở cùng với chú (nhà T, Hận không biết tên của T mà chỉ nghe Phát nói đó là chú của Phát) thuộc khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh.

2. Nguyễn Minh N (Tý Hon): điện thoại, gặp và mua ma túy đá trực tiếp từ Phát 02 lần tại đầu đường mới gần cây xăng thuộc khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh với số tiền 200.000 đồng mỗi lần, lần gần đây nhất vào cuối tháng 12 năm 2016.

Lê T K và Nguyễn K T đều thừa nhận việc K mua ma túy của T, sau đó giúp T bán ma túy cho những người nêu trên.

Ngày 12/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giờ đã quyết định trưng cầu giám định tinh thể không màu thu giữ được, kết quả là ma

túy ở thể rắn loại Methamphetamine, trong đó 02 gói thu giữ tại nhà bị cáo T có khối lượng 0,475g; 01 gói thu giữ trong người Thiện có khối lượng 0,0518g.

Qua kết quả điều tra, đã xác định được những lần bán ma túy cho người khác sử dụng tại nhà mình, Nguyễn K T đều là người cho các người nghiện ma túy mượn dụng cụ sử dụng ma túy để họ sử dụng và có khi cùng sử dụng ma túy với những người mua, sau đó người mua trả tiền cho bị cáo T. Đêm ngày 11/01/2017, sau khi Lê T Anh (Sút) điện thoại hỏi mua ma túy, T đã nhờ Phát chở T Anh đến nhà T để bán ma túy cho T Anh(Sút) theo như hình thức trên. Dụng cụ sử dụng ma túy gồm ống thủy tinh, bình thủy tinh, ống hút do T mua ở cửa hàng bán dụng cụ y khoa tại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đem về nhà cho ma túy tổng hợp vào, dùng nước và hộp quẹt gas đun nóng để sử dụng ma túy trái phép.

Nguyễn K T và Lê T K khai: T không nhờ K và Phát bán ma túy cho người khác bằng hình thức bỏ ma túy vào dụng cụ để người mua sử dụng tại nhà T. T cũng không thấy K và Phát tự ý bán cho người mua bằng hình thức này. K khai không tự ý bán cho người mua bằng hình thức này. Phát không biết việc mua ma túy giúp T là để T tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ ban đầu, các bị cáo đã tự khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình. Tuy nhiên, sau khi khởi tố vụ án thì T và Phát phản cung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tuyên xử các bị cáo Nguyễn K T, Nguyễn Minh P và Lê T K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn K T và Nguyễn Minh P kháng cáo, còn Lê T K không kháng cáo và đã chấp hành án.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 12/2018/HS-PT ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại do Nguyễn K T có dấu hiệu phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn K T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” của mình và đồng phạm, cũng như hành vi chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy và nhiều lần cho các đối tượng khác đến sử dụng ma túy tại nhà của mình đang quản lý. Riêng Nguyễn Minh P tiếp tục phản cung phủ nhận việc mua bán trái phép ma túy giúp T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2019, bị cáo Nguyễn Minh P có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên kêu oan và cho rằng mình không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Minh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng mình bị đổ tội oan.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết định khung trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Minh P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Xét về nội dung kháng cáo: Nguyễn Minh P kháng cáo kêu oan và cho rằng sau khi bị khởi tố bị can bản thân đã thay đổi lời khai nên không phạm tội là không có cơ sở để chấp nhận, mức án 07 (bảy) năm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp; tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P, các Luật sư tranh luận:

Viện kiểm sát truy tố và cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Minh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không có cơ sở pháp luật, bởi lẽ:

- Chứng cứ buộc tội Nguyễn Minh P chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo tại các biên bản làm việc ban đầu khi chưa bị khởi tố đều xác định Phát và đồng phạm có hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhưng sau đó lại truy tố và xét xử về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy” là không đúng. Lời nhận tội ban đầu của Nguyễn Minh P là do khi mới bị bắt còn hoang mang, mất tinh thần và tại phiên tòa, bị cáo khai những lời khai này do một cán bộ Công an tên Huy đọc cho bị cáo chép rồi Phát sẽ được thả về.

- Cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Minh P thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần” nhưng không xác định được cụ thể nhiều lần là những lần nào, vào lúc mấy giờ, ngày nào và ở đâu, khối lượng ma túy là bao nhiêu. Bản cáo trạng chỉ nêu Phát giúp sức cho Nguyễn K T mua bán ma túy vào ngày 11/01/2017 ở Quận 4 và một lần trước đó khoảng 15 ngày; nhưng thực chất Phát chỉ phụ giúp Nguyễn K T mua bán gà và Phát không thừa nhận đã mua ma túy về giao cho T; việc quy buộc trách nhiệm hình sự đối với Phát chỉ có lời khai mà không thu được vật

chúng, không làm rõ được ai là người bán, không làm rõ được việc Phát thỏa thuận với T mua bán ma túy ra sao, và Phát không được hưởng lợi gì; nên chưa thể hiện được hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Phát. Biên bản phạm tội quả tang Phát và đồng phạm thì không có hình ảnh, camera để làm chứng cứ mà chỉ căn cứ vào lời khai là không đủ chứng cứ để kết tội đối với Nguyễn Minh P.

- Khi khám xét nhà và khám người của Nguyễn Minh P đều không thu giữ được ma túy xác định là vật chứng dùng để mua bán ma túy. Do đó, không có chứng cứ vật chất theo qui định tại khoản 2 Điều 64 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và các Điều 86, 87 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để quy buộc trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Minh P.

- Ngoài ra, việc nhận dạng, đối chất giữa các đối tượng nghiện với Phát để buộc tội bị cáo Phát là không có cơ sở chứng minh việc mua bán ma túy của Phát. Bởi lẽ, người sử dụng ma túy thần kinh không được ổn định, có ảo giác hoặc có thù ghét nhau.

- Tại các phiên tòa sơ thẩm và tòa phúc thẩm trước, các Luật sư đã chất vấn các đối tượng nghiện là người làm chứng thì không xác định được chính xác thời gian, địa điểm, khối lượng ma túy mà bị cáo Phát bị quy buộc đã mua bán ma túy. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chỉ căn cứ vào lời khai của Nguyễn Minh P nhận tội lúc ban đầu và lời khai đối chất với các đối tượng nghiện, nhận dạng; làm cơ sở kết tội bị cáo Phát là không có cơ sở pháp luật, vi phạm về tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 98 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; cũng như chưa làm rõ các chứng cứ quan trọng để chứng minh hành vi phạm tội theo đúng hướng dẫn tại các điểm b, i khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC.

Do đó, không có chứng cứ để buộc tội đối với Nguyễn Minh P nên theo quy định tại Điều 13 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 về nguyên tắc suy đoán vô tội; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nguyễn Minh P không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để tránh oan sai.

+Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: phân tích về cơ sở pháp lý về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh P đã được thể hiện trong phần luận tội và khẳng định bản cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật. Do đó, giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án và không chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P.

Bị cáo Nguyễn Minh P thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư nên không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Minh P kêu oan, không thừa nhận hành vi giúp sức cho Nguyễn K T mua bán trái phép chất ma túy, và cho rằng những lời khai nhận tội tại các biên bản (bắt người phạm tội quả tang, ghi lời khai, bản tự khai) đều do cán bộ tên Huy đọc cho bị cáo chép; cũng như lời khai của những người nghiên khai đã liên hệ mua bán ma túy với Nguyễn Minh P hay mua ma túy của T nhưng Phát là người giao ma túy là vu oan, đổ tội cho Nguyễn Minh P do bị thù ghét.

Xét về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động tố tụng điều tra, thu thập chứng cứ, ghi lời khai, tiến hành đối chất, nhận dạng và trưng cầu cơ quan chuyên môn giám định vật chứng... theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, việc Nguyễn Minh P sau khi bị khởi tố bị can thay đổi lời khai và tại phiên tòa cho rằng lời khai nhận tội này do cán bộ Công an tên Huy đọc cho bị cáo chép, là không có cơ sở và chứng cứ để được chấp nhận; việc thay đổi lời khai của bị cáo Nguyễn Minh P chỉ thể hiện sự thái độ khai báo quanh co, chối tội.

Xét, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 02-03), biên bản ghi lời khai các ngày 12 và 13/01/2017 (bút lục 320-323), bản tự khai (bút lục: 313-314; 317), biên bản nhận dạng, đối chất vào ngày 13/01/2017 (bút lục: 158-159; 178-179), bị cáo Nguyễn Minh P khai nhận: Đã hai lần đi mua ma túy giúp Nguyễn K T (Tèo Manh), cụ thể: Lần đầu vào ngày 27/12/2016, T đưa Phát 1.600.000 đồng đi mua ma túy đá của một ông già (không rõ lai lịch) ở khu vực phà Bình Khánh huyện Nhà Bè; và lần thứ hai vào ngày 11/01/2017, T đưa Phát 1.200.000 đồng để Phát đi đến ngã tư Hoàng Diệu, Quận 4 mua ma túy đá của một K niên; mang về giao cho T vào khoảng 23h30' cùng ngày, T lấy ra một ít ma túy đá và bình sử dụng ma túy để trong nhà cùng sử dụng ma túy với Phát, K, Thiện, Chánh và Lê T Anh (Sút). Đến khoảng 01h30' ngày 12/01/2017, T kêu Phát đi bán ma túy cho H là nghề hót tóc ở khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, trước đó Phát nhiều lần bán ma túy đá giúp T nhưng thời gian không nhớ rõ, cụ thể: bán ma túy cho Hận (Bé Lớn) được 03 lần, bán cho Nhật 02 lần (nhà ở ấp Hòa Hiệp, Long Hòa) và Tính (Hai Giá) nhà ở khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh, Cần Giờ khoảng 2, 3 lần; mỗi lần bán với giá từ 200.000 – 300.000 đồng. Khi đi mua và bán ma túy đá giúp T (Tèo Manh) thì được T cho sử dụng ma túy chung không tính tiền và lâu lâu cho từ 100.000 – 200.000 đồng để tiêu xài.

Các đối tượng đã mua bán ma túy với Nguyễn K T và Nguyễn Minh P khai nhận:

- Nguyễn Trung Tính đã mua ma túy của Nguyễn K T và Phát là người giao trực tiếp từ 03 – 04 lần, mỗi lần từ 200.000 – 300.000 đồng;

- Nguyễn Minh Nhựt mua ma túy của Nguyễn Minh P 02 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng, giao nhận tại đầu đường gần cây xăng thuộc khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ. Khi mua ma túy, Nhựt trực tiếp liên lạc với Phát qua điện thoại di động;

- Lâm Hoài Hận khai mua ma túy của Phát 03 - 04 lần với giá 200.000 đồng/lần, mua lần cuối vào ngày 03/01/2017.

Đối chiếu lời khai nhận của Nguyễn K T, Lê T K (là bị can trong cùng vụ án đã bị xét xử) tại Cơ quan điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (các ngày 06/10/2017, 10/01/2018 và ngày 16/4/2019) về cơ bản phù hợp với lời khai ban đầu nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh P; phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (thu giữ, khám xét, niêm phong vật chứng), biên bản (nhận dạng, đối chất), bản kết luận giám định, lời khai của người làm chứng; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn Minh P như sau: Từ tháng 8/2016 đến ngày 12/01/2017, Nguyễn K T đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và cho các đối tượng nghiện mua ma túy sử dụng tại nhà của T thuộc tổ 4, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện cần Giờ. Do chơi chung và thường xuyên ở cùng nhà với Nguyễn K T, muốn có tiền tiêu xài và ma túy để sử dụng, Nguyễn Minh P đã hai lần nhận tiền của T đi mua ma túy về giao lại cho T để bán lại cho người nghiện và sử dụng. Cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 27/12/2016, T đưa Phát 1.600.000 đồng đi mua ma túy đá của một ông già (không rõ lai lịch) ở khu vực phà Bình Khánh huyện Nhà Bè; và lần thứ hai vào ngày 11/01/2017, T đưa Phát 1.200.000 đồng đi đến ngã tư Hoàng Diệu, Quận 4 mua ma túy đá của một K niên (không rõ lai lịch) mang về giao cho T vào khoảng 23h30’ cùng ngày. Số ma túy này, Nguyễn K T lấy ra một ít để sử dụng chung với Nguyễn Minh P, Lê T K, Lê Minh Thiện, Chánh và Lê T Anh (Sút). Đến khoảng 01h30’ ngày 12/01/2017, T phân số ma túy còn lại lấy 1 tép ma túy kêu Phát đi bán cho H với giá 200.000 đồng và T bán cho Thiện 01 tép ma túy với giá 200.000 đồng vào khoảng 08h30’ ngày 12/01/2017.

Vào lúc 10h30’ ngày 12/01/2017, qua kiểm tra, Công an huyện Cần Giờ phối hợp cùng Đoàn Biên phòng Cần Thạnh bắt quả tang và qua khám xét tại nơi ở, thu giữ của Nguyễn K T toàn bộ số ma túy còn lại cất giấu để mua bán và sử dụng, bao gồm: thu giữ của T 01 tép ma túy tổng hợp và 01 gói ma túy tổng hợp; thu giữ của Lê Minh Thiện 01 tép ma túy tổng hợp mà T đã bán cho Thiện trước đó. Ngoài ra, Nguyễn Minh P đã nhiều lần giúp sức cho Nguyễn K T bán ma túy cho Nguyễn Trung T, Nguyễn Minh N và Lâm Hoài H.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Tại bản kết luận giám định số 325/KLGD-H ngày 20/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 0,5268g, loại Methamphetamine.

Xét, bị cáo Nguyễn Minh P đã ít nhất hai lần thực hiện hành vi giúp sức cho Nguyễn K T mua bán trái phép chất ma túy (trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý), nên thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”, là tình tiết định khung tăng nặng nhiệm hình sự.

Do đó, với khối lượng ma túy bị thu giữ trong vụ án dùng để mua bán và hành vi của bị cáo Nguyễn Minh P nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Nguyễn Minh P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh P cùng đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Về hình thức: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2019, bị cáo Nguyễn Minh P có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Xét, bị cáo Nguyễn Minh P kháng cáo kêu oan và ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với những lý do nêu ra trong phần tranh luận tại phiên tòa là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử; nên không có cơ sở và chứng cứ để được chấp nhận.

Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo Nguyễn K T có vai trò chính, là người trực tiếp bỏ tiền, chuẩn bị công cụ phạm tội cũng như liên hệ với người bán và tìm môi tiêu thụ để mua bán ma túy kiếm lời; còn bị cáo Nguyễn Minh P với vai trò là người giúp sức, phụ giúp trong việc mua bán ma túy theo yêu cầu của Nguyễn K T để được trả công hưởng lợi; nên vai trò có phần hạn chế hơn so với Nguyễn K T.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm. Trong đó, bị cáo Phạm phạm tội với vai trò là người thực hành, đồng phạm giản đơn; và bị cáo Phạm phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; và xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P mức án 07 năm tù (mức khởi đầu của khung hình phạt bị áp dụng) là thỏa đáng, phù hợp với tính

chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo. Tuy nhiên, phần căn cứ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phát không áp dụng khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) là có thiếu sót.

Trong vụ án, Nguyễn K T là người cầm đầu, chủ mưu (có vai trò chính) nhưng mức hình phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” xử phạt bằng với mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh P, là chưa phân hóa được tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm; cũng như mức án 03 (ba) năm tù đối với Nguyễn K T về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”, là có phần nhẹ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn K T không bị Viện kiểm sát kháng nghị tăng nặng hình phạt nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm, cấp phúc thẩm không tăng mức hình phạt đối với Nguyễn K T, làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Cấp sơ thẩm cần lưu ý trong việc áp dụng pháp luật.

Xét, kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Minh P là không có cơ sở pháp luật để được chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm và bổ sung căn cứ điều luật áp dụng tại phần Quyết định cho phù hợp với quy định của pháp luật.

+Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Minh P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+Căn vào điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh P 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/01/2017.

+Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh P pH chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo,

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND huyện Cần Giờ; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND huyện Cần Giờ; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA huyện Cần Giờ; (1)
- Bị cáo; (2)
- Luật sư; (6)
- Trại giam; (2)
- Công an huyện Cần Giờ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (29) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuấn Anh**

kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.